

Số: /BC-UBND

Đông Sơn, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Đông Minh năm 2021

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020;

Theo đề nghị của UBND xã Đông Minh tại Tờ trình số: 322/TTr-UBND ngày 20/8/2021 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Đông Minh năm 2021, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: vào ngày 25-31/8/2021.

I. Về hồ sơ

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Báo cáo duy trì các tiêu chí nông thôn mới.

- Báo cáo kết quả xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn xã.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí NTM nâng cao của xã.
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao.
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn xã.
- Hồ sơ minh chứng duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.
- Hồ sơ minh chứng hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

II. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

1. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM

1.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.
- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Quy hoạch xã được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt quy hoạch tại quyết định 700/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 và Quyết định 1643/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, xã đã thực hiện duy trì 100% tiêu chí quy hoạch với các nội dung sau:

- Công bố quy hoạch: UBND xã đã duy trì việc niêm yết các bản đồ quy hoạch tại công sở xã và nhà văn hóa 6 thôn gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Sơ đồ định hướng phát triển không gian, bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sơ đồ vị trí môi liên kết vùng; công bố bằng biện pháp thông báo, thông tin tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

- Công bố thực hiện quy hoạch: Xã đã thực hiện cắm biển báo, mốc giới xây dựng cho các vị trí quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã. Sau đó bàn giao cho công chức địa chính và trưởng thôn tại nơi có vị trí quy hoạch để theo dõi, quản lý biển báo, mốc giới đã cắm. Hàng tháng UBND xã thực hiện kiểm tra lại các biển báo, mốc giới đã cắm, qua đó để phát hiện các biển báo, mốc giới đã bị phá, bị dịch chuyển, bị xuống cấp để thực hiện việc khôi phục, tổ chức cắm thêm biển báo, mốc giới nhằm phân định các khu chức năng đã được quy hoạch.

c) Đánh giá: Đạt.

1.2. Tiêu chí số 4 về điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh

giá thực hiện theo tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM giai đoạn 2016-2020.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện theo tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM giai đoạn 2016-2020.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trên địa bàn của xã có 6,2 km đường dây trung áp và 17,3 km đường dây hạ thế, có 07 trạm biến áp với công suất là 1200 KVA. Hiện nay toàn bộ hệ thống điện của xã đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Toàn xã có 1.389 hộ gia đình; Có 1.389 hộ/1.389 hộ sử dụng điện thường xuyên đảm bảo an toàn, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Đạt

1.3. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường tiểu học và trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có 3 cấp trường:

- Hiện nay, xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Về đầu tư cơ sở vật chất: Trường Mầm Non: Năm 2020 đầu tư xây mới trường Mầm non 2 tầng 8 phòng; Trường Tiểu học và THCS: Xây mới công trình phụ, sửa chữa các phòng học, mua sắm bàn ghế học tập, quét vôi ve khu lớp học và khuôn viên trường, xây mới nhà ăn bán trú, xây mới 1 dãy nhà 2 tầng. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia.

c) Đánh giá: Đạt.

1.4. Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có chợ trong quy hoạch của tỉnh phải xây dựng đạt chuẩn theo quy định; xã không quy hoạch chợ thì phải có cửa hàng kinh doanh tổng hợp hoặc có siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định tại Chương II, Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020 định hướng đến năm 2025. Xã Đông

Minh là xã không quy hoạch chợ nông thôn. Trên địa bàn xã có 35 cửa hàng kinh doanh tổng hợp được xây dựng kiên cố, vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường, an toàn thuận tiện cho khách hàng; bố trí hàng hóa gọn gàng, khoa học theo từng nhóm sản phẩm, thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán.

c) Đánh giá: Đạt.

1.5. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xã có đài truyền thanh hoạt động theo Quyết định số 1895/2013/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa; có tối thiểu có 2/3 số thôn, bản có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.

- Xã có Trang thông tin điện tử riêng hoặc có trang thông tin điện tử thành phần trên trang cổng thông tin điện tử huyện/thị/ thành phố; 80% cán bộ, công chức xã có máy vi tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; UBND xã được triển khai, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc trong xử lý, điều hành các công việc; ứng dụng phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND huyện; Có ứng dụng CNTT để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (một cửa điện tử) theo Kế hoạch hành động số 01/KH-UBND ngày 04/01/2016 và Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí, các điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng quy định của tiêu chí và vượt các chỉ tiêu:

- Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông là Bưu điện Văn hóa xã Đông Minh, mã hiệu 445300 tại thôn 2, đáp ứng các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ; thực hiện niêm yết thời gian phục vụ niêm yết nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị theo quy định của ngành. Hiện tại đang duy trì phục vụ bưu chính trên địa bàn xã.

- Có hạ tầng mạng viễn thông cố định mặt đất (công nghệ băng rộng cố định) mạng thông tin di động mặt đất (công nghệ băng rộng di động 3G, 4G) sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ thông tin và truyền thông đến 100% các thôn trên địa bàn xã. Hiện đang cung cấp, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Xã có đài truyền thanh hoạt động; có 6/6 thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ công tác thông

tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã, đạt 100%.

- Xã trang bị máy tính đầy đủ cho cán bộ công chức phục vụ công việc đạt 100%, trang thông tin điện tử của địa phương (*địa chỉ Website: dongminh.dongson.gov.vn*), hoạt động có hiệu quả, có ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, phần mềm theo dõi nhiệm vụ và trong điều hành xử lý công việc; có ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt

1.6. Tiêu chí số 18 về Hệ thống Chính trị và tiếp cận Pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.
- Có 100% tổ chức Chính trị - Xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* Tình hình tổ chức thực hiện: củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức chính trị, xã hội cơ sở vững mạnh, gắn bó với nhân dân. Trong những năm qua công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn quy định, đối với cán bộ trong nguồn quy hoạch hàng năm đã được Đảng ủy phân công, giao nhiệm vụ đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm bảo nguồn cán bộ trong quy hoạch, đều với cán bộ được tuyển dụng đều đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

* Các nội dung đã thực hiện:

- Đối với cán bộ, công chức xã: Tổng số cán bộ, công chức xã Đông Minh tính đến thời điểm thẩm tra: 19 người, trong đó: Trình độ văn hóa: 19/19 người có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông, đạt 100%; về trình độ chuyên môn: 18 người có trình độ đại học chiếm 94,7%, 01 người có trình độ trung cấp đạt 5,3%; về trình độ lý luận chính trị: 2/19 người có trình độ cao cấp lý luận chính trị đạt 10,6%, 17/19 người có trình độ trung cấp, đạt 89,4%.

- Đối với các tổ chức chính trị xã hội: Hệ thống chính trị xã Đông Minh có đầy đủ các tổ chức theo quy định, gồm:

+ Tổ chức đảng: Đảng bộ xã, 06 chi bộ thôn, 01 chi bộ trường học, 01 chi bộ công an và 01 chi bộ tín dụng.

+ Chính quyền: HĐND, UBND xã, các ban giúp việc cho HĐND (Ban Kinh tế - xã hội, Ban Pháp chế), công đoàn xã, có 06 trường thôn.

+ Đoàn thể chính trị - xã hội: Gồm 05 tổ chức: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã và các chi hội đoàn thể ở thôn đều có đầy đủ.

- Đảng bộ xã trong các năm 2018, 2019, 2020 được đánh giá là Đảng bộ “Trong sạch, vững mạnh”, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. UBND xã Đông Minh hàng năm được UBND huyện đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đều được xếp loại khá trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

c) Đánh giá: Đạt.

1.7. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1 về xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu Quốc phòng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể luôn xác định nhiệm vụ đảm bảo Quốc phòng- An ninh là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần ổn định để phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Hàng năm Đảng ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo Quốc phòng - An ninh, lực lượng quân sự và Công an phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên về công tác đảm bảo Quốc phòng- An ninh trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Ban chỉ huy quân sự cấp xã gồm 4 đồng chí (Chỉ huy trưởng là đảng viên, là công chức cấp xã, là ủy viên UBND xã; Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm; Chính trị viên phó là Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã kiêm nhiệm; Chỉ huy phó là cán bộ không chuyên trách.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân, thành lập tổ chức từ thôn đến xã: 6 thôn đều thành lập tổ chức dân quân, mỗi thôn 01 tổ, quân số 03 đồng chí. Tổng lực lượng dân quân của xã là 83 đồng chí gồm: (*Dân quân cơ động: 1bDQCB 28 đ/c; Dân quân SMPK 12,7mm 31 đ/c; Dân quân tại chỗ 06 tổ 18 đ/c; Dân quân bình chủng 02 tổ 06 đ/c*).

+ 100% Chỉ huy trưởng, chỉ huy phó Ban CHQS xã được đào tạo có trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở.

+ Bảo đảm đúng, đủ chế độ chính sách cho dân quân theo quy định của pháp luật; bảo đảm đủ ngân sách cho công tác quân sự, quốc phòng; Ban CHQS

xã có phòng làm việc riêng, nhà trực cho lực lượng dân quân, phòng để tủ súng và các thiết bị, công cụ hỗ trợ cho hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống, chữa cháy rừng ...

+ 100% công dân đủ tuổi được đăng ký nghĩa vụ quân sự tại nơi cư trú.

+ 100% công dân được gọi nhập ngũ có mặt đúng thời gian và địa điểm quy định, không có công dân trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự; chống đối, cản trở người khác trong thực hiện nghĩa vụ quân sự; không có thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ nghiện các chất ma túy và mắc các tệ nạn xã hội.

c) Đánh giá: Đạt

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM nâng cao

Tổng số tiêu chí huyện tổ chức thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là: 15/15 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100%.

- Đường trục thôn, và đường liên thôn chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100% ($\geq 80\%$ cứng hóa).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường); Với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình không có ô-tô chạy nền đường tối thiểu 2,0m, mặt đường tối thiểu 1,5 m: 100% ($\geq 80\%$ cứng hóa).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m: 100% ($\geq 70\%$ cứng hóa).

- Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường: $> 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đường giao thông trong xã gồm đường trục xã, đường trục thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng tổng cộng 21,4 km, xã đã tổ chức thực hiện mở rộng, nâng cấp bê tông hóa và nhựa hóa các tuyến đường, cụ thể:

- *Đường giao thông trục xã:* Tổng chiều dài là 3,26 km, đã được nhựa hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 3,26km/3,26km đảm bảo nền đường trên 6,5m, mặt đường đều đạt trên 3,5m, đạt tỷ lệ 100%.

- *Đường trục thôn*: Tổng chiều dài là 5,53km, đã được bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT là 5,53/5,53 km đảm bảo nền đường trên 4m, mặt đường trên 3m, đạt tỷ lệ 100%.

- *Đường ngõ, xóm*: Tổng chiều dài 6,78km, đã bê tông hóa được 6,78km/6,78 km đảm bảo quy định yêu cầu tiêu chí, đạt 100%.

- *Đường trục chính nội đồng*: Tổng chiều dài 5,83 km, được cứng hoá đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện là 5,83km/5,83 km đảm bảo nền đường trên 4m, mặt đường trên 3m, đạt tỷ lệ 100%.

- Các đoạn đường trục xã, trục thôn, đường ngõ xóm trong khu dân cư đã thực hiện xây dựng rãnh thoát nước được 11,8 km/15,57 km, đạt 75,78%.

c) Đánh giá: đạt

2.2. Tiêu chí số 2 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động không nhỏ hơn năm trước liền kề.

- Đối với kế hoạch phòng, chống thiên tai đảm bảo các nội dung: Bố trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; Bản đồ vị trí kho vật tư dự trữ PCTT; Lập phương án di dân đối với dân cư sống trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ, lụt, sạt lở đất...; Quy định cụ thể về chuẩn bị điều kiện cần thiết đối với các hộ dân khi phải di dời.

- Quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai: không đổ rác lên mái đê, hành lang bảo vệ đê, bãi sông; Không có vi phạm pháp luật về đê điều và PCLB theo quy định của Luật Đê điều và Luật PCTT.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hàng năm, việc cung cấp tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu nước đối với diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã được duy trì ổn định, cụ thể:

$T_{\text{tưới}} 2020 = (464,28/464,28\text{ha}) \times 100\% = 100\% = T_{\text{tưới}} 2017-2019 = 100\%$, trong đó:

+ Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới là 464,28 ha;

+ Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch sản xuất là 464,28 ha

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động đều đảm bảo 100%.

$T_{\text{tiêu}} 2020 = (354,67/354,78) \times 100\% = 100\% = T_{\text{tiêu}} 2017-2019$, trong đó:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp cần tiêu là 354,67ha.

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu là 354,67ha;

- Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động:

$T_k 2020 = (5,62/5,62\text{ha}) \times 100\% = 100\% = T_k 2017-2019$

Diện tích đất đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước là 5,62/5,62 ha, đạt 100% diện tích.

- Kế hoạch phòng chống thiên tai:

Hàng năm xã đã chủ động kiện toàn ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, năm 2021 thành lập ban chỉ huy PCTT, TKCN và phòng thủ dân sự (theo yêu cầu nhiệm vụ mới) tại quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 03/4/2021; xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai đảm bảo tốt các nội dung như: Bố trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai tại công sở xã, có sơ đồ chỉ dẫn kho vật tư; lập phương án di dân đối với dân cư sống trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ, lụt...Việc quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai đảm bảo theo yêu cầu và theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai. Xã bố trí kho vật tư tại 1 vị trí trong khuôn viên công sở xã, có bản đồ vị trí kho dự trữ vật tư phòng chống thiên tai.

c) *Đánh giá: đạt.*

2.3. Tiêu chí số 3 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

Đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: $\geq 80\%$.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Hội trường đa năng xã được quy hoạch và thực hiện theo đúng quy hoạch về việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Hội trường đa năng xã có diện tích 650 m², sân khấu là 70m², có lối vào cánh gà hai bên, có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hoạt động thuận lợi cho việc tổ chức Hội nghị, hội thảo và các chương trình nghệ thuật, các cuộc thi, giao lưu văn hóa, văn nghệ cấp xã, cấp cụm. Trang thiết bị tại Hội trường đa năng xã gồm: Quốc hiệu, quốc huy, phong màn, cờ sao, tượng Bác Hồ, bục nói chuyện, máy chiếu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, bàn ghế đảm bảo đủ cho 270 chỗ ngồi; 05 phòng làm việc gồm: Phòng hành chính, phòng Thư viện điện tử, phòng đọc sách báo, phòng sinh hoạt CLB, phòng Đài truyền thanh (05 phòng có diện tích 25m²); các công trình phụ trợ như: nhà để xe có diện tích đủ cho 150 xe máy, khu vệ sinh tự hoại nam, nữ, sân, cây cảnh, nhà kho... Hội trường đa năng và các phòng chức năng có biển tên phòng theo quy định.

- Khu thể thao xã được quy hoạch và thực hiện theo đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã được UBND huyện phê duyệt, có diện tích 2.000m², bao gồm sân Cầu lông, Bóng chuyền hơi, Bóng chuyền da.

- Sân vận động của xã được quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch với diện tích 10.890m², có cổng, có biển tên, có tường rào bao quanh, sân có mặt cỏ tự nhiên bằng phẳng, khô thoáng, có hàng rào cây xanh xung quanh. Có sân bóng đá kích thước 60m x 90m.

- Xã có Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã chịu sự lãnh đạo của UBND xã, sự chỉ đạo hướng dẫn trực tiếp về nghiệp vụ của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện và chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện. Điểm vui chơi giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi của xã được

sử dụng Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã, đảm bảo an toàn, cụ thể như sau: Diện tích khu vui chơi giải trí của người già và trẻ em được sử dụng Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã thoáng mát đảm bảo cho việc tập dưỡng sinh, đi bộ và được trang bị một số dụng cụ thể thao như: xích đu, bập bênh, cầu trượt, xà đơn, xà kép. Phong trào thể thao quần chúng được quan tâm. Hàng năm tổ chức 8 - 10 Cuộc giao lưu, thi đấu TDTT cấp xã gồm: Giải Bóng chuyền Mừng Đảng, Mừng Xuân, Giải Bóng đá Thanh, Thiếu niên....). Toàn xã hiện có 07 CLB thể dục thể thao, trong đó có 06 câu lạc bộ bóng chuyền hơi, 01 CLB dưỡng sinh. Số gia đình thể thao là 747/1.389 hộ, chiếm 53,7% tổng số hộ. Số người thường xuyên tham gia luyện tập TDTT là 2.711/4.374 đạt 62% dân số.

- Về nhà văn hóa thôn: 06/06 thôn có nhà văn hóa – Khu thể thao được xây dựng mới, chỉnh trang đạt tiêu chuẩn theo quy định với diện tích quy hoạch từ 800m² – 2.500m², quy mô xây dựng đảm bảo từ 120- 150 chỗ ngồi, sân khấu rộng 25-30m². Có tường rào bao quanh, đóng trần, lát gạch hoa, có hệ thống cửa, sơn tường đảm bảo an toàn, mỹ quan, phù hợp yêu cầu sử dụng. Trang thiết bị nhà văn hóa các thôn gồm có: Quốc hiệu, quốc huy, phong màn, cờ sao, tượng Bác Hồ, bục nói chuyện, thiết bị âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, tủ sách, phòng đọc sách với số lượng từ 50 - 100 đầu sách, hệ thống loa truyền thanh riêng của thôn, quạt điện, ti vi, một số dụng cụ thể thao như: Lưới bóng chuyền, bàn bóng bàn, lưới cầu lông, vợt cầu lông... Công trình phụ trợ: Nhà xe, nhà vệ sinh, nhà kho, cây xanh đảm bảo theo quy định.

c) Đánh giá: đạt.

2.4. Tiêu chí số 4 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng phải lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tính tại thời điểm xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có 1.389 nhà ở, không có nhà tạm, nhà dột nát. Tổng số nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng: 1.389/1.389 nhà, tỷ lệ đạt 100%.

* So sánh với năm đạt chuẩn nông thôn mới: Tăng thêm 224 nhà so với năm 2017, tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn từ 94,6% lên 100%, tỷ lệ tăng là 5,4%.

c) Đánh giá: đạt.

2.5. Tiêu chí số 5 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (*triệu đồng/người*): Năm 2020, 2021: ≥ 48 *triệu đồng/người*.

- Tốc độ tăng Thu nhập bình quân đầu người hàng năm (tính từ năm được công nhận xã đạt chuẩn NTM đến năm đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao) từ 10% trở lên: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Đảng ủy xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế. Theo đó, UBND xã xây dựng kế hoạch và đã chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, cải tạo vườn hộ, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, đến duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Đến tháng 8/2021: thu nhập bình quân đầu người đạt 67 triệu đồng/người/năm.

- Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người hàng năm: 20,7%/năm

c) Đánh giá: đạt.

2.6. Tiêu chí số 6 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $\leq 2,5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, UBND xã luôn xây dựng và chỉ đạo quyết liệt kế hoạch giảm nghèo, với sự vào cuộc sâu rộng của cả hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội với nhiều chương trình như: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ xây dựng vườn hộ, vay vốn ưu đãi ...; với sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên, sự quyết tâm xóa nghèo của các hộ dân.

- Tổng số hộ tại thời điểm điều tra: 1.389 hộ.

- Tổng số hộ nghèo: 10 hộ.

- Số hộ nghèo bảo trợ xã hội: 10 hộ.

- Số hộ dân cư (đã trừ đi hộ nghèo bảo trợ xã hội) là: 1.279 hộ, như vậy tỷ lệ hộ nghèo $0/1.279 = 0\%$.

c) Đánh giá: đạt.

2.7. Tiêu chí số 7: Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: $\geq 94\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

UBND xã đã thường xuyên đầu mối với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài huyện để đào tạo, tuyển dụng lao động của xã; duy trì công tác vận động nhân dân tham gia xuất khẩu lao động, tham gia vào các công ty, xí nghiệp trên địa bàn xã, huyện.

- Tổng số lực lượng lao động trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trong năm: 2.442 người.

- Số người có việc làm trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: 2.379/2.442 người, chiếm tỷ lệ 97,42%.

c) Đánh giá: đạt.

2.8. Tiêu chí số 8: Tổ chức sản xuất.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và có hiệu quả: Đạt.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch, ... của địa phương: Đạt.

- Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với cây trồng chủ lực: $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã Đông Minh có 02 HTX nông nghiệp hoạt động theo phương thức dịch vụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012.

+ Hợp tác xã DVNN Đông Minh sau khi chuyển đổi theo luật HTX năm 2012, hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực sau: Dịch vụ thủy lợi; dịch vụ bảo vệ đồng điền, hoa màu, kênh mương; Dịch vụ làm đất gieo cấy theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa; Dịch vụ cung ứng giống, phân bón, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; Dịch vụ sản xuất mạ khay máy cấy; Liên kết bao tiêu sản phẩm nông nghiệp (sản phẩm lúa). Hàng năm, HTX đều được xếp loại khá theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong các năm gần đây, HTX hoạt động đều có lãi.

+ HTX sản xuất kinh doanh nông sản an toàn 26: được thành lập theo Luật HTX 2012 vào năm 2020. Hoạt động chủ yếu là trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông sản sạch an toàn. Trong năm qua HTX đã tổ chức sản xuất rau màu, khoai môn chỉ tím mang lại hiệu quả cao.

- Trên cơ sở xác định cây lúa là cây trồng chủ lực là cây lúa, Từ năm 2019 đến nay. Hợp tác xã DVNN Đông Minh ký kết hợp đồng liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm lúa với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê đảm bảo bền vững là sản phẩm lúa nếp Thái. Trong liên kết không xảy ra hiện tượng phá vỡ hợp đồng liên kết. Diện tích ký hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ổn định từ trên 50ha trở lên, chiếm 23,8% diện tích cây trồng chủ lực của xã, sản lượng lúa được bao tiêu đạt 450 tấn, chiếm trên 20% sản lượng lúa toàn xã.

- Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực của xã đạt 75,3%.

c) Đánh giá: đạt.

2.9. Tiêu chí số 9 về Vườn hộ

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có ít nhất 30% vườn hộ có hệ thống tưới, tiêu khoa học hoặc có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến: Đạt.

- Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả; sản phẩm hàng hóa đảm bảo AT VSTP: Đạt.

- Giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của xã chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: xã đã tổ chức rà soát lại vườn hộ, phân loại vườn hộ cụ thể. Theo đó Tổng diện tích đất vườn trên địa bàn xã Đông Minh là 2,5ha chiếm 0,96% diện tích đất nông nghiệp; số hộ có diện tích vườn là 384/1.389 hộ (chiếm 27,64% tổng số hộ trên địa bàn); trong đó: Số hộ có diện tích vườn từ 100 - 500 m²: 381 hộ; số hộ có diện tích vườn từ 500m² trở lên: 03 hộ. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu sản xuất tại vườn gồm: Cây bưởi diên, mít, na, ổi, hoa, cây cảnh, rau màu, chăn nuôi gia cầm.

- 03 vườn hộ trên địa bàn xã (vườn có diện tích từ 500m² trở lên) đã được đầu tư hệ thống tưới tiêu khoa học, tiết kiệm và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Cụ thể: Số hộ sử dụng hệ thống tưới - tiêu khoa học: 03/03 hộ, đạt tỷ lệ 100%; số hộ ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến: 03/03 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

- Tổng giá trị thu nhập từ các vườn (384 vườn) là 2.616 triệu đồng; tổng giá trị thu nhập từ vườn hộ (vườn \geq 500m²) là 295 triệu đồng (chiếm 11,7% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ vườn); trong đó, giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa là 231 triệu đồng (chiếm 78,3% giá trị sản phẩm từ vườn hộ).

c) Đánh giá: đạt.

2.10. Tiêu chí số 10 về Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ: Đạt.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: \geq 65%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã Đông Minh đã xác định cụ thể mục tiêu giáo dục là quốc sách; đào tạo lao động là chiến lược phát triển kinh tế bền vững. vì thế trong những năm qua UBND xã đã không ngừng quan tâm, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, xây dựng mới, nâng cấp các phòng học, phòng hiệu bộ, bổ sung các trang thiết bị trong các nhà trường.

- Xã có 2 trường học với 3 cấp học và 01 Trung tâm học tập cộng đồng: Cả 2 trường học đều đạt chuẩn quốc gia, đang phấn đấu đủ điều kiện công nhận chuẩn QG mức độ 2 năm 2021; Xã đã đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Đạt chuẩn phổ cập Giáo dục Tiểu học mức độ 3 và phổ cập THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Nhìn chung công tác GD&ĐT ở địa phương phát triển tốt; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, GDTX cấp THPT và học nghề cao; Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt. Trung tâm HTCD hoạt động đạt loại Tốt. Cụ thể:

+ Trường Mầm non: Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, đang đề nghị thẩm định công nhận chuẩn QG mức độ 2 vào tháng 8, năm 2021

+ Trường TH&THCS: Bạc TH đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 5631/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Bạc THCS đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Trung tâm HTCD hoạt động tốt, nhiều năm liên tục đạt Loại A (theo các QĐ số 2449/QĐ-UBND ngày 28/9/2018; số 3143/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; số 3460/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn); Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động ra học các lớp mở tại TTHTCD đạt 82.09%

- Xã đã đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Đạt chuẩn phổ cập Giáo dục Tiểu học mức độ 3 và phổ cập THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, kết quả cụ thể 3 năm gần đây:

+ Năm 2018: Xã được công nhận đạt chuẩn PCGD cho trẻ mầm non 5 tuổi theo quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn; Đạt chuẩn PCGD Tiểu học năm 2018 theo Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn; Đạt chuẩn PCGD THCS theo Quyết định số 1142 /QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn.

+ Năm 2019: Xã được công nhận đạt chuẩn PCGD cho trẻ mầm non 5 tuổi theo Quyết định số 5027/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 huyện Đông Sơn; Đạt chuẩn PCGD THCS năm 2019 theo Quyết định số 805 /QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn. Đạt chuẩn xóa mù chữ theo Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 huyện Đông Sơn.

+ Năm 2020: Xã đã đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi năm 2020; đạt chuẩn Phổ cập GDTH mức độ 3, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo QĐ số 186/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Đông Sơn về việc Công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2020.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 1.893/2.379 người, đạt 79,57%.

c) Đánh giá: đạt

11. Tiêu chí số 11 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: $\geq 91\%$.

- Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (trên người); tích cực triển khai các hoạt động giám sát, phát hiện, xử lý và báo cáo dịch kịp thời; không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn xã: Đạt.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động an toàn thực phẩm; hàng năm trên địa bàn xã không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, đông người (từ 30 người trở lên): Đạt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) năm sau thấp hơn năm trước 0,5% trở lên: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Về bảo hiểm y tế: Tổ chức rà soát, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia BHYT. Tổng số nhân khẩu trên địa bàn xã là 4.374, trong đó xuất khẩu lao động là 326 người, số nhân khẩu còn lại tại địa phương là 4.048 người. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên tổng dân số toàn xã là 3.955/4.048 người, đạt 97,7%.

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên người được triển khai có hiệu quả, tích cực triển khai các hoạt động giám sát, xử lý và báo cáo kịp thời, không có dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng năm trên địa bàn xã không có trường hợp bị ngộ độc thực phẩm lớn đông người (30 người trở lên). Năm 2018 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm tại Quyết định số 4425/QĐ-UBND ngày 07/11/2018; ngày 19/8/2021 có thông báo số 21/TB-TTĐ của tổ thẩm định xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm về kết quả duy trì thực hiện tiêu chí an toàn thực phẩm của xã Đông Minh huyện Đông Sơn. Trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi hàng năm đều giảm, cụ thể:

+ Năm 2019 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng là 9,9%, chiều cao là 11,2%.

+ Năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng là 9,4%; chiều cao là 10,7%.

+ Năm 2021 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng là 8,4%, chiều cao là 10,2%.

c) Đánh giá: đạt.

2.12. Tiêu chí số 12 về Văn hóa.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định: $\geq 90\%$.

- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện nay, toàn xã đã có 6/6 thôn được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định, đạt 100% theo Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Xã Đông Minh đã được UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” tại Quyết định số 1633/QĐ- UBND, ngày 20 tháng 7 năm 2017.

c) Đánh giá: đạt.

2.13. Tiêu chí số 13 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: 100% (100% nước sạch).
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.
- Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) được bao quanh bằng hàng rào cây xanh: Đạt.
- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định: $\geq 80\%$.
- Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp: $\geq 60\%$.
- Tỷ lệ số tuyến đường được trồng hoa, trồng cây bóng mát: $\geq 40\%$.
- Mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng: Có.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có công trình cấp nước sạch tập trung, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia trên địa bàn xã là 1.389/1.389 hộ, đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 226/226 hộ, đạt 100%.
- Lượng rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đủ nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 1.389 hộ/1.389 hộ = 100%.
- Tỷ lệ các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 88 hộ/88 hộ đạt tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn và xử lý là 1.073/1.389 hộ, đạt 77,2%.
- Tỷ lệ các tuyến đường trồng hoa, trồng cây bóng mát trên địa bàn là 8,5km/ 15,57km, đạt 54,61%.
- Xã có mô hình đoạn đường tự quản tại các tuyến đường trực chính trong khu dân cư và giao trách nhiệm cho các tổ chức Đoàn thể gồm Thanh niên; Nông dân; Phụ nữ, Cựu chiến binh, Lực lượng dân quân nghiêm túc thực hiện và duy trì thường xuyên việc phát quang hành lang, quét dọn, giữ gìn vệ sinh môi trường trên các đoạn đường tự quản được phân công. Tăng cường công tác tổng dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm theo định kỳ, quy định ít nhất 1 tuần/1 lần. xã có mô hình tổ tự quản: mô hình Đoạn đường tự quản và mô hình thùng đựng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật ngoài đồng.

c) Đánh giá: đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 về an ninh trật tự

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” từ 90% trở lên; ANTT được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; các mô hình tự quản liên kết bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 3 năm liền kê năm được xét công nhận, có 01 năm được tặng bằng khen về phong trào toàn dân bảo vệ ANTT: Đạt.

- Không có người chấp hành xong án phạt tù và đặc xá cư trú tại địa bàn tái phạm tội bị khởi tố; không để xảy ra hoạt động tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, kinh tế, môi trường phức tạp kéo dài, chậm bị phát hiện: Đạt.

- Lượng lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, trong 3 năm liền kê năm xét công nhận ít nhất có 01 năm đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” trở lên: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hàng năm không để xảy ra các hoạt động chống đối Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân và gây rối an ninh trật tự; tệ nạn xã hội được khống chế đẩy lùi; Quy chế dân chủ được thực hiện rộng rãi ở cơ sở, luôn được công nhận cơ sở vững mạnh - an toàn làm chủ.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự, tệ nạn xã hội, không có các trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn xã được kiểm chế, kiểm soát tốt trong những năm qua; không có khiếu kiện đông người kéo dài.

- Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết, UBND có Kế hoạch và triển khai thực hiện có chất lượng công tác đảm bảo an ninh - trật tự. Thường xuyên nâng cao chất lượng các tổ an ninh trật tự và tổ an ninh xã hội. 6/6 thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt 100%. Xã có 03 mô hình tự quản liên kết bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

- Lực lượng Công an xã đã có nhiều thành tích được cấp trên khen thưởng; tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng ngày càng trong sạch, vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành.

+ Năm 2019 đạt danh hiệu Đơn vị quyết thắng.

+ Năm 2020 Công an xã được Bộ công an tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

c) Đánh giá: đạt.

2.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã được công nhận đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Hành chính công khi đáp ứng yêu cầu: Thực hiện tốt yêu cầu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tuyên truyền các văn bản luật đến với mọi người dân trên hệ thống truyền thanh, thông qua các hội nghị nhân dân... Vì thế, các văn bản luật, các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước luôn đến được với người dân, xã được công nhận đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật. Xã đã thực hiện tốt yêu cầu về cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Kết quả:

- Về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời tại bộ phận Một cửa và trên trang thông tin điện tử gồm 230 TTHC, gồm 41 lĩnh vực, đạt 100%.

+ Hàng năm đều tiến hành rà soát, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC.

- Về giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân: Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng với quy định theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Việc thu lệ phí đều được thực hiện theo đúng quy định và được niêm yết công khai tại Phòng Một cửa (theo Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Trong 03 năm liên tục (2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021) kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã với 8.185 hồ sơ, 100% được giải quyết đúng thời gian quy định; không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Mọi thủ tục hành chính của xã đều được thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, quy định. Do vậy, không có vi phạm nào khi giải quyết TTHC dẫn đến phải xin lỗi tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

c) Đánh giá: đạt.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản tại thời điểm thẩm tra.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Xã Đông Minh thực hiện đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

2.1. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM

Tổng số tiêu chí thực hiện duy trì theo bộ tiêu chí NTM của xã Đông Minh tại thời điểm thẩm tra đạt: 07/07 tiêu chí.

2.2. Thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Đông Minh đã được thẩm tra đạt: 15/15 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM xã Đông Minh tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đã đạt; triển khai xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Quyết định số 691/2018/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; tiếp tục thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu và Đề án xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của xã đã được phê duyệt.

- UBND huyện Đông Sơn kính đề nghị UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu Quốc gia tỉnh, Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh quan tâm tổ chức thẩm định, xét, công nhận xã Đông Minh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ các CT MTQG tỉnh (b/c);
- VPĐP NTM tỉnh (b/c);
- TT HU, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ CT XD NTM huyện;
- Các tổ chức CT-XH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thế Sơn